TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 19/8/2025.
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Diệp.*
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Ông: Phan Thanh Long
2. Ông: Tô Đình Phương

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Thanh Việt là Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 3 – tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà*: Ông Bùi Trường Viên – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2025 - Tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 – tỉnh Gia Lai, Toà án nhân dân Khu vực 3 – Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2025/TLST-HNGĐ ngày 30/5/2025 *về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/8/2025 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu Th, sinh ngày: 10/10/2001– Địa chỉ: Thôn Hóa L, xã Cát T, tỉnh Gia Lai.

Số CCCD: 052301008118

-*Bị đơn:* Anh Nông Văn H, sinh ngày: 10/04/1994 – Địa chỉ: Thôn Chánh L, xã Đề G, tỉnh Gia Lai.

Số CCCD: 052094006620

Nay chị Th có mặt; anh H vắng mặt và có đơn yêu cầu Tòa giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/03/2025, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay - Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Th trình bày:*

-Về hôn nhân: Chị Th và anh Nông Văn H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cát Kh, huyện Phù C, tỉnh Bình Định ngày 25/10/2022 - Hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó đến tháng 8/2023 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H đi làm nghề biển ở xa, thường đi 20 ngày hoặc 01 tháng mới về nhà 01 lần. Khi về nhà anh H không có lập trường mà nghe lời mẹ và em gái anh H nói chị ngoại tình với người khác, từ đó gây chuyện mâu thuẫn với chị. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không khắc phục được, hôn nhân không còn hạnh phúc, chị và anh H đã sống ly thân với nhau từ tháng 6/2024 âm lịch đến nay, anh H không còn quan tâm gì đến chị và con nữa. Từ ngày chị và anh H sống ly thân đến nay anh H không đưa tiền để chị nuôi con, việc nuôi con chỉ một mình chị lo liệu. Chị thấy tình cảm giữa chị và anh H không còn, không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống hạnh phúc được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nông Văn H.

-Về con chung: Chị và anh H có được 01 con chung là cháu Nông Nguyễn Ngọc Th – Sinh ngày: 05/4/2023. Con đang ở với chị. Vợ chồng ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con đến khi trưởng thành. Trước đây trong đơn khởi kiện và tại bản khai của chị, chị có yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng, nhưng nay tại Tòa chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con nữa.

-Về tài sản chung vợ chồng: Chị và anh H không có tài sản chung.

**Tại Biên bản lấy lời khai anh Nông Văn H ngày 10/7/2025 (BL: 19) – anh H trình bày:*

-Về quan hệ hôn nhân: Anh H xác định anh là chồng của chị Nguyễn Thị Thu Th (Sinh ngày: 10/10/2001) quê ở thôn Hóa L, xã Cát Th, huyện Phù C, tỉnh Bình Định (nay là thôn Hóa L, xã Cát T, tỉnh Gia Lai). Anh và chị Th có ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cát Kh, huyện Phù C, tỉnh Bình Định – Hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc bình thường, sau đó do anh đi làm biển ở xa không thường xuyên về nhà, chị Th ở nhà làm hạt điều, vợ chồng có xảy ra bất đồng một số vấn đề trong cuộc sống, dẫn đến mâu thuẫn, hôn nhân không còn hạnh phúc. Anh và chị Th đã sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh xác định giữa anh và chị Th không còn tình cảm, không thể hàn gắn chung sống với nhau được nữa, nay chị Th gửi đơn đến Tòa yêu cầu ly hôn anh, anh thống nhất ly hôn.

-*Về con chung:* Anh và chị Th có 01 con chung tên là Nông Nguyễn Ngọc Th – Sinh ngày: 05/4/2023 (con gái). Vợ chồng ly hôn anh thống nhất giao con cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, nhưng anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

-*Về tài sản chung giữa anh và chị Th:* Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì điều kiện anh phải đi làm biển ở xa, anh yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt anh.

**Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

-*Về phần thủ tục tố tụng:* Từ khi Toà án thụ lý vụ án đến phiên toà hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-*Về hướng giải quyết nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th, cho chị Nguyễn Thị Thu Th được ly hôn anh Nông Văn H. Về con chung: Đề nghị HĐXX giao cháu Nông Nguyễn Ngọc Th cho mẹ là chị Th được trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên tòa hôm nay chị Th không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị HĐXX không buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

**Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm có:*

-Giấy chứng nhận kết hôn giữa anh Nông Văn H và chị Nguyễn Thị Thu Th (bản chính); căn cước công dân của chị Th, anh H (bản phô tô) và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (Viết tắt: HĐXX) nhận định:

[1]Xét về mặt tố tụng: Bị đơn anh Nông Văn H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Nông Văn H.

[2]Xét nội dung vụ án:

[a]Xét yêu cầu của chị Th yêu cầu được ly hôn anh H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa chị Nguyễn Thị Thu Th và ạnh Nông Văn H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cát Kh, huyện Phù C, tỉnh Bình Định ngày 25/10/2022 (sau sáp nhập nay là Ủy ban nhân dân xã Đề G – tỉnh Gia Lai) - Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, chị Th và anh H sống hạnh phúc được thời gian đầu nhưng rồi sau đó vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng với nhau về nhiều vấn đề trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung, thiếu sự quan tâm, chia sẻ và thông cảm cho nhau, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không khắc phục được. Từ tháng 6 năm 2024 âm lịch đến nay giữa chị Th và anh

H đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Chị Th gửi đến đến Tòa án yêu cầu được ly hôn anh H, chị xác định giữa chị và anh H không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Anh H đồng ý yêu cầu ly hôn của chị Th, anh cũng xác định giữa anh và chị Th không còn tình cảm, không thể quay lại để chung sống với nhau được nữa, điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa anh H và chị Th đã thực sự đến mức trầm trọng không thể khắc phục được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 – Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th, cho chị Th và anh H được ly hôn.

[b]Về quan hệ con chung: Giữa chị Th và anh H có 01 con chung là cháu Nông Nguyễn Ngọc Th – Sinh ngày: 05/4/2023. Hiện tại cháu Th đang ở với mẹ là chị Th. Chị Th yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con cho đến khi trưởng thành khi vợ chồng ly hôn. Anh H cũng thống nhất giao con cho chị Th được trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử nhận thấy cháu Th tuổi còn quá nhỏ, dưới 36 tháng tuổi nên cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ. Và theo Khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi"*. Căn cứ vào quy định này, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Nông Nguyễn Ngọc Th cho mẹ cháu là chị Th được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

+ Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa hôm nay chị Th không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

[c] Về quan hệ tài sản chung vợ chồng: Chị Th, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản nên HĐXX không xét.

[d] Án phí ly hôn: Căn cứ quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí;

Buộc chị Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nộp xung ngân sách Nhà nước. Chị Th đã nộp 300.000đồng tạm ứng án phí khởi kiện tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005396 ngày 30/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cát nên được khấu trừ, chị Th đã nộp xong.

**Xét ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị về hướng giải quyết nội dung vụ án phù hợp với hướng nhận định của HĐXX nên được HĐXX chấp nhận.*

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều: 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí;

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Nguyễn Thị Thu Th; cho chị Nguyễn Thị Thu Th được ly hôn anh Nông Văn H.

2.Về quan hệ con chung: Giao cháu Nông Nguyễn Ngọc Th – Sinh ngày: 05/4/2023 cho mẹ cháu là chị Th được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con là anh H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung vợ chồng: Chị Th, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Án phí ly hôn: Buộc chị Th phải nộp 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* sung ngân sách Nhà nước, chị Th đã nộp 300.000đồng tạm ứng án phí khởi kiện tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005396 ngày 30/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cát nên được khấu trừ, chị Th đã nộp xong.

Án xử sơ thẩm công khai, chị Th có mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án. Anh H vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày anh H nhận được Bản án hợp lệ của Tòa hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đề G – tỉnh Gia Lai nơi anh H cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-VKSND Khu vực 3 – Gia Lai;
-VKSND tỉnh Gia Lai;
-TAND tỉnh Gia Lai;
-Phòng T.H.A ds Khu vực 3 – Gia Lai;
-UBND xã Đề Gi, tỉnh Gia Lai;
-Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Diệp